

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lê; Ông Dương Viết Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đưa ra xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm Ngọc Sơn, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 04/01/2011. Cuộc

sống chung của hai vợ chồng lúc đầu hòa thuận, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N. Về con chung: Nguyễn Phương U, sinh ngày 04/5/2012 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 20/7/2014. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung. Tôi không thay đổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh N trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và tình trạng hôn nhân mà chị T vừa trình bày là đúng, việc kết hôn với nhau có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký. Lúc đầu có sống hạnh phúc, về sau có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị T có đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm không còn nên tôi nhất trí ly hôn. Về con chung: Nguyễn Phương U, sinh ngày 04/5/2012 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 20/7/2014. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung. Tôi không thay đổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Song các bên vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn của mình, nhưng không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh N, đề nghị được nuôi cả hai con chung, nếu không được nuôi hai cháu thì chị đề nghị được nuôi cháu thứ hai và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp: Chị làm công nhân TNG thu nhập bình quân 07 đến 08 triệu đồng/tháng.

Tại phiên tòa: Anh N vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn với chị T, đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp: Anh làm lái xe tải và buôn bán xe thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị T và anh N có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2011 và được UBND xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N có địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng lúc đầu hòa thuận, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống về làm kinh dẫn đến hay cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N và anh N cũng nhất trí quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[2.2] Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Về nuôi con chung: Nguyễn Phương U, sinh ngày 04/5/2012 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 20/7/2014, chị T và anh N đều đề nghị được nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Vì vậy, cần xem xét điều kiện của các bên đều thu nhập trung bình từ 08 đến 10 triệu

đồng/tháng. Xét thấy, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con dưới 18 tuổi cũng như nguyện vọng nuôi con của các bên là chính đáng nên cần giao chị T và anh N mỗi người một cháu để đảm bảo việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phương A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Cháu Nguyễn Phương U giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh N không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không xem xét.

[2.3] Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị T và anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh N đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: **Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.**

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Xuân N.

2. Về con chung: **Giao cho chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 20/7/2014 cho đến khi**

đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi hợp pháp. Giao cho anh Nguyễn Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phương U, sinh ngày 04/5/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi hợp pháp.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị T và anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003170 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị T, bị đơn anh Nguyễn Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P, tỉnh Thái Nguyên;
- T.H.A DS huyện P;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

